

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HS-ST

Ngày: 19 - 4- 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến T, sinh ngày 22/12/1969; nơi cư trú: Số nhà A, đường L, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Tiến S (đã chết) và bà Phạm Thị T1; vợ: Phạm Thị M, có 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 01 ngày 05/01/2002 của Phòng C2 Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vận chuyển trái phép hàng nhập lậu. Mức phạt: 1.000.000 đồng, ngày 05/01/2002 T đã nộp xong. Quyết định số 39 ngày 17/11/2003 của Phòng C2 Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vận chuyển trái phép hàng nhập lậu. Mức phạt: Cảnh cáo. Bị cáo tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Đào Xuân D, sinh ngày 06/02/1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu C, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Số nhà A, ngõ B, đường N, tổ F, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Đào Xuân T2, bà Hoàng Thị C (đã chết); vợ: Nguyễn Thị M1, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).**3. Lê Văn Đ**, sinh ngày 16/4/1983; nơi cư trú: Số nhà A, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Văn N và bà Tô Thị N1 (đã chết); vợ: Bùi Thị Hải Y, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Bùi Văn C1, sinh ngày 24/6/1980; nơi cư trú: Số nhà A, ngõ C, đường T, tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; vợ Nguyễn Thị T4 có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Vũ Trọng P, sinh ngày 15/8/1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi tạm trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Vũ Chí H1 và bà Lưu Thị L (đã chết); Vợ Phan Thị T5; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93 ngày 15/4/2009 của Công an huyện V, tỉnh Thái Bình bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong theo Biên lai số 0022699 ngày 16/4/2009. Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Vũ Trọng P số 167 ngày 09/4/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đ2, tỉnh Thái Bình. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12/8/1979; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Vũ Văn S1 và bà Bùi Thị U; vợ Đoàn Thị Hồng T6; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 130 ngày 17/01/2012 của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Qua xác minh đã chấp hành xong ngày 17/01/2012 tại Biên lai thu tiền phạt số 0014345. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Nguyễn Văn T7, sinh ngày 14/8/1979; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T8 và bà Phạm Thị T9; vợ Đào Thị L1, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2024 đến ngày 12/01/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số nhà B, đường T, tổ A, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/01/2024, tại nhà Nguyễn Tiên T, ở số nhà A, ngõ A, đường L, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình có Nguyễn Tiên T, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Đào Xuân D, Nguyễn Văn T7, Vũ Đức Đ1 ngồi chơi, uống nước tại nhà T. Tại đây, tất cả cùng rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, tất cả đều đồng ý. Sau đó tất cả đi lên tầng 4 nhà Nguyễn Tiên T để đánh bạc. Nguyễn Tiên T là người chuẩn bị 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng, 01 bộ bài chắn 100 quân và 01 dụng cụ bấm quân vị màu da cam, 04 tấm thảm nỉ màu xám (kích thước 50x50) cm. Sau đó Đào Xuân D, lấy 02 quân bài chắn, dùng dụng cụ bấm quân vị, bấm 04 quân vị để đánh bạc. Về thể thức đánh “xóc đĩa”, các đối tượng thống nhất với nhau như sau: Cách đặt cửa theo nguyên tắc “chẵn” trong, “lẻ” ngoài, có nghĩa là nếu người chơi đặt cửa “chẵn” thì sẽ đặt số tiền muốn cược về phía trong lòng người cầm cái (giữa bộ B và người cầm cái) còn nếu người chơi đặt cửa “lẻ” thì đặt số tiền muốn cược về phía ngoài bộ B. Tiền đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất không giới hạn. Khi mở bát số lượng quân vị trên đĩa cùng màu là số chẵn (2 hoặc 4) tức là ván đó về “chẵn”, còn số quân vị cùng màu là số lẻ (1 hoặc 3) thì ván đó về “lẻ”. Người đặt cược thắng sẽ được nhận số tiền tương ứng với số tiền bỏ ra để đặt cược, ngược lại nếu người chơi nào đặt cửa thua thì sẽ mất hết số tiền đã đặt. Việc thu và trả tiền thắng thua cho người đánh bạc do người cầm cái trả. Cứ như vậy, sau khi thanh toán tiền xong thì bắt đầu chơi ván mới. Khi bắt đầu đánh bạc từ khoảng 21 giờ 30 phút, Bùi Văn C1 là người cầm cái, xóc đĩa để cho những người tham gia chơi đặt cược. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác Công an thành phố T bắt quả tang, Vũ Đức Đ1 đã bỏ chạy thoát. Thu tại chỗ các đối tượng đánh bạc 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng hình tròn; 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ 2 quân bài chắn; 01 bộ bài chắn 100 quân (có 02 quân bị đục làm quân vị); 01 dụng cụ bấm quân vị màu da cam, 04 tấm thảm nỉ màu xám (kích thước 50x50) cm và số tiền 20.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Thu trên người các đối

tượng tổng số tiền 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*), cụ thể: T4 tại túi quần bên phải của Nguyễn Tiến T đang mặc 800.000 đồng, thu tại túi quần bên phải Lê Văn Đ 3.000.000 đồng, thu tại quần bên phải Đào Xuân Dũng 6.000.000 đồng, thu tại túi quần bên phải đang mặc của Bùi Văn C1 7.000.000 đồng.

Đến ngày 10/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T triệu tập Vũ Đức Đ1 làm việc, Đ1 đã khai nhận sự việc liên quan hành vi phạm tội. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, được thua cụ thể như sau:

Đào Xuân D có 9.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang quản lý của D số tiền 6.000.000 đồng, như vậy D thua 3.500.000 đồng.

Lê Văn Đ có 6.200.000 đồng, và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang quản lý của Đ số tiền 3.000.000 đồng, như vậy Đ thua 3.200.000 đồng.

Bùi Văn C1 có 10.600.000 đồng, C1 bỏ ra số tiền 3.600.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Còn lại số tiền 7.000.000 đồng trong người C1, đây là số tiền bán hàng của cửa hàng nhà C1, số tiền này C1 không sử dụng để đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang quản lý của C1 số tiền 7.000.000 đồng, như vậy C1 đang thua 3.600.000 đồng.

Nguyễn Tiến T có 3.500.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang quản lý tại túi quần bên phải của T đang mặc số tiền 800.000 đồng, như vậy T đang thua 2.700.000 đồng.

Vũ Trọng P có 2.900.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. P không nhớ đánh bao nhiêu ván, thắng thua thế nào. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang P để hết tiền dưới chiếu bạc.

Vũ Đức Đ1 có 2.800.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Đảm không nhớ đánh bao nhiêu ván, thắng thua thế nào. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang Đ1 để hết tiền dưới chiếu bạc và bỏ chạy thoát.

Nguyễn Văn T7 có 1.700.000 đồng và sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. T7 không nhớ đánh bao nhiêu ván, thắng thua thế nào. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang T7 để hết tiền dưới chiếu bạc.

Như vậy tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 30.200.000 đồng (*Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 60/CT - VKSTPTB ngày 19/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, Đ, Đ1, T7); Điều 38; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 47; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 phạm tội “Đánh bạc”.

* Về hình phạt:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến T 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn C1 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Bùi Văn C1 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt bị cáo Đào Xuân D 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đào Xuân D 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Văn Đ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng P 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vũ Trọng P 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

6. Xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ1 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vũ Đức Đ1 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T7 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến T cho UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Bùi Văn C1 cho UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Đào Xuân D cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Lê Văn Đ cho UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Vũ Trọng P cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, bị cáo Vũ Đức Đ1 cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn T7 cho UBND xã B, huyện K tỉnh Thái Bình theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

***Về xử lý vật chứng:**

1. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bát đĩa bằng sứ hình tròn, màu trắng đã qua sử dụng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ 02 quân bài chắn; 01 bộ bài chắn 100 quân (02 quân bị đục làm quân vị); 01 dụng cụ bấm quân vị màu da cam; 04 tấm nỉ màu xám kích thước (50x50) cm; 01 hộp kim loại có kích cỡ dài 20 cm, rộng 15 cm, cao 10 cm không còn giá trị sử dụng.

2. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 30.200.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) của các bị cáo.

3. Trả lại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho bị cáo Bùi Văn C1, chị Nguyễn Thị T4.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên Tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên Tòa cũng như tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên Tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng được thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có

đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/01/2024, tại tầng D, nhà của Nguyễn Tiến T ở số nhà A, ngõ A, đường L, tổ G, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình có Nguyễn Tiến T, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Đào Xuân D, Nguyễn Văn T7, Vũ Đức Đ1 đã có hành vi cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh “xóc đĩa”. Đến khoảng 23 giờ, cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 30.200.000 đồng (*Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng*).

[3]. Hành vi của các bị cáo đã thỏa thuận được thua bằng tiền để đánh bạc, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất mức độ hậu quả của hành vi do mình thực hiện. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “1. *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

[4]. Đây là vụ án đồng phạm nên cần đánh giá vai trò của các bị cáo:

[4.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến T dùng địa điểm là nhà thuộc quyền sở hữu của bị cáo và lấy bộ bát đĩa sứ màu trắng, bộ chắn, dụng cụ bấm quân vị, 04 tấm thảm nỉ trải sàn nhà có sẵn từ trước ở nhà bị cáo T, dùng số tiền đánh bạc là 3.500.000 đồng, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 01 ngày 05.01.2002 về hành vi “Vận chuyển hàng lậu”; quyết định số 39 ngày 17.11.2003 về hành vi “Vận chuyển hàng lậu” nên bị cáo Nguyễn Tiến T xếp vai trò thứ nhất trong vụ án.

[4.2]. Đối với các bị cáo Đào Xuân D, Bùi Văn C1 xét thấy: Bị cáo D cất quân vị và dùng số tiền đánh bạc nhiều nhất 9.500.000 đồng, bị cáo C1 cầm cái, xóc đĩa để cho các bị cáo tham gia chơi đặt cược và dùng số tiền đánh bạc là 3.600.000 đồng, do đó hai bị cáo D, C1 giữ vai trò ngang nhau và xếp thứ hai trong vụ án.

[4.3]. Đối với bị cáo Vũ Trọng P, Lê Văn Đ xét thấy: bị cáo Vũ Trọng P sử dụng số tiền đánh bạc là 2.900.000 đồng, bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành

chính theo Quyết định số 93 ngày 15.4.2009 về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo Lê Văn Đ sử dụng số tiền đánh bạc 6.200.000 đồng nên các bị cáo P, Đ xếp vai trò ngang nhau và xếp thứ ba trong vụ án.

[4.4]. Đối với các bị cáo Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 xét thấy: Bị cáo Đ1 sử dụng số tiền đánh bạc là 2.800.000 đồng, bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 130 ngày 17.01.2012 về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo T7 sử dụng số tiền đánh bạc 1.700.000 đồng nên các bị cáo Đ1, Tân xếp vai trò ngang nhau và xếp sau cùng trong vụ án.

[5]. Xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo khi quyết định hình phạt thì thấy:

[5.1]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[5.1.1]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.1.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T7, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Đào Xuân D có bố và mẹ để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, hạng ba; bị cáo Vũ Đức Đ1 có bố để là thương binh loại A, hạng thương tật 1/4; bị cáo Lê Văn Đ có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, nên các bị cáo D, Đ, Đ1, T7 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo đối với các bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với ba bị cáo Nguyễn Tiến T, Bùi Văn C1 và Đào Xuân D mỗi bị cáo 7.000.000 đồng. Phạt tiền đối với bốn bị cáo Lê Văn Đ, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng:

[7.1]. Đối 01 bộ bát đĩa bằng sứ hình tròn, màu trắng đã qua sử dụng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ 02 quân bài chắn; 01 bộ bài chắn 100 quân (02

quân bị đục làm quân vị); 01 dụng cụ bấm quân vị màu da cam; 04 thăm nỉ màu xám kích thước (50x50) cm; 01 hộp kim loại có kích cỡ dài 20 cm, rộng 15 cm, cao 10 cm không còn giá trị sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7.2]. Đối với số tiền 30.200.000 đồng các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7.3]. Đối với số tiền 7.000.000 đồng là tài sản chung của bị cáo Bùi Văn C1, chị Nguyễn Thị T4 không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo C1, chị T4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7); Điều 38; Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 47; khoản 3 Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến T 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Văn C1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Bùi Văn C1 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Đào Xuân D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đào Xuân D 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.4. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Lê Văn Đ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.5. Xử phạt bị cáo Vũ Trọng P 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vũ Trọng P 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.6. Xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vũ Đức Đ1 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T7 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến T cho UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Bùi Văn C1 cho UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Đào Xuân D cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Lê Văn Đ cho UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Vũ Trọng P cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, bị cáo Vũ Đức Đ1 cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn T7 cho UBND xã B, huyện K tỉnh Thái Bình theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bát đĩa bằng sứ hình tròn, màu trắng đã qua sử dụng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ 02 quân bài chắn; 01 bộ bài chắn 100 quân (02 quân bị đục làm quân vị); 01 dụng cụ bấm quân vị màu da cam; 04 tấm nỉ màu xám kích thước (50x50) cm; 01 hộp kim loại có kích cỡ dài 20 cm, rộng 15 cm, cao 10 cm không còn giá trị sử dụng.

4.2. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 30.200.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) của các bị cáo.

4.3. Trả lại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho bị cáo Bùi Văn C1, chị Nguyễn Thị T4.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố T và Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 21/3/2024).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Các bị cáo Nguyễn Tiến T, Đào Xuân D, Lê Văn Đ, Bùi Văn C1, Vũ Trọng P, Vũ Đức Đ1, Nguyễn Văn T7 có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2024).

6.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T4 có mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố
Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

